18

Ảnh hưởng của giáo dục Phật giáo trong tu viện trong công tác giảm thiểu đói nghèo: Một nghiên cứu so sánh từ Sri Lanka và Bangladesh

Tapan Barua

Trần Ngọc Châu dịch

Giới thiệu

Nhìn chung, giáo dục Tôn giáo, đặc biệt ở Nam Á, thường được biết đến với các ý nghĩ cực đoan. Các hệ thống giáo dục Tôn giáo gồm nhiều thành phần khác nhau, và chúng thường vượt quá chức năng giáo dục theo sự cho phép của pháp luật. Xu hướng này tạo nên các xung đột về lợi ích và điều này đang tăng lên một cách đáng báo động[1]. Mặc dù giáo phục vô thần như Phật giáo được coi là nhân văn hơn so với giáo dục hữu thần, chúng ta đôi khi vẫn phải xếp chúng vào cùng một cách thức giáo dục nhất định[2]. Đó là bởi Phật giáo hiện này thường không đi sâu và không giải quyết được các nhu cầu thực tiễn của xã hội[3], như

1. M. Niaz and Nazmul Chaudhury, 2006::2

2. David R. Loy, 2001:55

3. Theo dõi phản ứng của các tu sĩ đối với Phong trào Sarvodaya Shramadana.

là phân biệt giới tính, phân tích liên quan đến thực tiễn nhiều vấn đề như đói nghèo, dân số, các rắc rối trong gia đình … mặc dù các cuộc thảo luận để giải quyết các chủ điểm nêu trên vẫn tồn tại trong các phương pháp giảng dạy truyền thống. Tuy nhiên, các nghiên cứu gần đây cho thấy nếu Phật giáo có ảnh hưởng càng nhiều đến giáo dục thì các phương pháp giáo dục này lại càng thành công và hiệu quả hơn[4]. Có vẻ như các nhà chức trách đã nhận thức được quan điểm về tính kém hiệu quả của giáo dục Phật giáo là lỗi thời, do vậy mà họ đã tạo điều kiện cho người dân làm sống lại phương pháp giáo dục này.

Trong tất cả các bậc học của giáo dục Phật giáo, chúng ta tìm hiểu về đạo đức trong đời sống kinh tế; những khái niệm này thường được trích dẫn và thảo luận trong các sản phẩm trí tuệ và truyền thống[5] nhưng chúng đồng thời lại không đề cập đến các ý nghĩa thực tiễn liên quan đến sự phát triển vật chất. Và chính điều này đã dẫn đến các sự chỉ trích nặng nề[6]. Cho dù đã có những phản biện cho rằng việc tập trung vào đạo đức kinh doanh sẽ tạo ra một nền tảng giáo dục ổn định liên quan đến phát triển con người, chúng tôi vẫn đặt ra những nghi vấn về các vấn đề liên quan đến MDGs, như là làm như thế nào để phương pháp này có thể dung hòa được quan điểm của tu sĩ (chủ nghĩa duy tâm) và của giáo sĩ thế tục (chủ nghĩa duy vật) hay sự điều hành của tôn giáo có thể giải quyết nhiều vấn đề còn tồn đọng khi thực tế vẫn yêu cầu cần có một nỗ lực chung. Hiện nay, sự thành công của mô hình giáo dục tu viện dựa hoàn toàn mặt tích cực của câu trả lời cho những nghi ngờ trên. Về phương diện văn hóa, cả Sri Lanka và Bangladesh đều có định kiến về việc truyền tải vai trò lãnh đạo cho giáo dục; trong khi điều này đã được coi như một đặc tính quan trọng trong văn hóa Thái Lan[7]. Nhưng những nhà sư ở các quốc gia trên quyết định sẽ phá vỡ truyền thống đó thông qua những nỗ lực riêng của họ và tìm cách để thiết lập chúng trong thị trường việc làm.

Phật giáo hồi sinh của Sri Lanka, trang 243

4. Tambiah, 1976:200

5. Theo dõi tương lai vai trò của cộng đồng Tăng già của Hòa thượng Seck Kwang Phing (trang. 65-66); Sư cô Soun (trang. 77-79)

6. "Cuộc sống rảnh rỗi" bởi S. S. Samarasinghe; cf Therigatha 272 – nghiên cứu về những người thoát tục, không tham làm và màng đến những gì người khác tặng.

7. Sanit Smhiram và những người khác, 2012:902

Mặc dù đã có rất nhiều tài liệu về giáo dục phật giáo được xuất bản, tôi không tìm thấy được bất cứ nguồn tư liệu nào đáng lưu tâm đề cập đến quan điểm của Phật giáo về lĩnh vực kinh tế ngoại trừ một bài báo ngắn của tác giả Sanit Sumhiram và cộng sự (2012). Cho dù hệ thống giáo dục cần có sự nghiên cứu toàn diện, tôi vẫn có đặt niềm tin vào hệ thống giáo dục Phật giáo trong tu viện – được coi như một phần của hệ thống giáo dục duy vật hiện đại. Hệ thống này đã nỗ lực tập trung vào giáo dục chính thức trong tu viện để nó có những giá trị nhất định trên thị trường và mang nhiều ý nghĩa cho xã hội.

Nền tảng

Sri Lanka có hệ thống giáo dục rất thu hút khi mà nó thường đưa ra các chương trình giáo dục miễn phí cho đến bậc đại học. Tuy nhiên, hệ thống giáo dục Phật giáo chính thức ở Sri Lanka, chỉ bao gồm phần lớn các trường Sunday được tổ chức bởi hầu hết các tu sĩ và hệ thống giáo dục Pirivena gồm 3 cấp bậc, như là Mulika, Maha- and Vidyayathana. Tất cảgồm có 734 trường thuộc Pirivenas với 35019 và 29589 sinh viên từ giới tăng lữ và những người thế tục[8]. Theo Đạo luật giáo dục Pirivena số 64 năm 1979, truyền thống của Pirivenas là tập trung giảng dạy các môn Triết học Phật giáo, Lịch sử, Văn hóa Phật giáo, Sinhala, Pali và Sanskrit. Tuy nhiên, giáo dục tôn giáo ở Sri Lanka hoạt động theo các quy định của nhà nước, theo đó sinh viên sẽ nhận được chứng chỉ được cấp bởi cơ quan nhà nước và được theo học các chương trình thạc sĩ ở các trường Đại học công lập.

Chiều kích tôn giáo và dân tộc của Phật giáo trong cộng đồng người Bangladesh đòi hỏi một nền tảng từ cuộc sống của họ khi họ đã có nền kinh tế xã hội của riêng mình. Cộng đồng Bengali ở vùng đất thấp bao gồm khoảng ít hơn một nửa trong tổng số các cộng đồng Phật giáo ở Bangladesh. Không có số liệu thống kê cụ thể số lượng Phật tử ở vùng đất thấp Bangle, nhưng trong tổng dân số có khoảng 1, 06% là Phật tử. Đôi khi nó không được coi như báo cáo đáng tin cậy về tổng số phật tử trong cộng đồng người Bangladesh. Tuy nhiên, hầu hết trong các trường hợp, các chỉ số MDGs đồng nhất với vùng hồi giáo nông thôn ở Banglees.

8. Thông tin giáo dục Sri Lanka, 2012:. 66

Người dân bản địa, hầu hết là những người già trong số các Phật tử ở Bangladesh, chiếm hơn một nửa tổng số dân theo đạo Phật theo các số liệu thống kê quốc gia. Trong số các dân tộc thiểu số, Phật Giáo và Cơ đốc giáo chiếm lần lượt là 54% và 25%, còn lại là những bộ tộc khác[9] sinh sống ở vùng đồi Chittagong (CHT) có 88. 7% là Phật tử; trong khi bộ tộc Rakhaine ở khu vực ven biển có quan hệ huyết thống với bộ tộc Burmese và tách ra khỏi CHT bao gồm gần 6% tổng số các bộ lạc là Phật tử. Cho dù sự áp bức của dân tộc thiểu số là quá trình vận động không ngừng của chủ nghĩa dân tộc hiện đại dân tộc thiểu số Phật giáo còn phải đối mặt đối với một trở ngại lớn hơn liên quan đến nên kinh tế, giáo dục, văn hóa của họ v. . v khi họ bị đặt dưới chế độ Hồi giáo từ năm 1948 trở đi khi họ mất đi mảnh đất quê hương mình. Khoảng 18. 000 gia đình đã được di dời trong số đó 70% là Chakmas, một bộ tộc Phật giáo, và 40%tổng số đất canh tác ở vùng CHT bị phá hủy bởi các đập ngăn nước[10]. Cùng với phương thức lấn đất truyền thống của các dân tộc thiểu số, đây cũng là một nhân tố chính của tình trạng đói nghèo liên tục xảy ra ở CHT[11]. Quá trình này diễn ra liên tục dẫn đến việc dân số Hồi giáo chiếm đến 50% toàn bộ số dân cư, mà khi vào năm 1860 nó chỉ chiếm có 5%[12]. Dự án tài trợ của UNDP cho thấy, 65. 1% các gia đình bản địa sống dưới chuẩn nghèo tuyệt đối[13] và hơn 19% sinh viên bản địa không được đi học (xem số liệu trong trang này, 2009:117). Các chỉ số đạt được khác của MDGs vẫn ở dưới mức chấp nhận được.

Phật tử ở Banglee và những người dân bản địa đều không có hệ thống giáo dục tôn giáo riêng của mình. Họ hầu hết đi theo kiểu giáo dục thế lữ ở nhà hoặc trong các tổ chức tôn giáo không chính thống, nơi mà họ được tự do nhận các nhu cầu cơ bản và sự giáo dục tôn giáo không chính thức.

---

9. S. R. Nath, 2009:21

10. S. Parveen và I. M. Faisal, 2002:197

11. S. Parveen và IMFaisal, 2002:200 thông báo rằng việc di cư của người Hồi giáo chủ yếu doChính phủ tài trợ gây ra một cuộc xung đột lịch sử làm nhiều người đến cư trú ở Ấn Độ.

12. Ibid, 2002:200

13. Abul Barkat và những người khác, 2009:113

Một số vấn đề về giáo dục Tôn giáo

Những sinh viên Bangladesh và Sri Lanka trong tu viện đều được thúc đẩy bởi ước muốn về một môi trường giáo dục và kinh tế phát triển hơn. Theo một số Pirivena Adhipati-s của Sri Lanka, những người mới đến từ các ngôi làng xung quanh đều không được đón tiếp khi đến Pirivenas. Ở Bangladesh, các cơ sở giáo dục có xu hướng chuyển từ CHT xuống vùng đất thấp Chittagong. Mặc dù, hầu hết gia đình của các sinh viên đều có đất canh tác, họ vẫn buộc phải gửi con em mình xuống vùng đất Phật giáo Bengali thấp hơn do thiếu các cơ sở giáo dục và các phương tiện, trang thiết bị học tập. Vấn đề dân số cũng là một nguyên nhân cho việc gửi các sinh viên đến vùng đất Phật giáo tự do Asrams. Những vấn đề sau sẽ làm sáng tỏ hơn tầm quan trọng thực sự của nền giáo dục Phật giáo hiện đại trong tu viện ở hai quốc gia này.

Di cư trong nước và sự lựa chọn trường học

Các dữ liệu thống kê cho thấy học sinh Sinhalese trong các vùng ít đặc quyền hơn phải di chuyển về phía trường học tôn giáo. Điều này cho thấy sự cần thiết phải có một cuộc thảo luận so sánh tổng thể về thông tin giáo dục ở Sri Lanka năm 2012. Hiện chúng ta nhận thấy rằng trong số 7398 tăng lữ học tập ở 149 Piriveanas thuộc các tỉnh phía Tây, có rất ít người từ các tỉnh dưới dây. Lấy ví dụ ở Vavuniya, một trong số những khu vực thống trị của LTTE, 19 trường Govornment, trong đó có ít nhất 9 trường đang trong thời gian hoạt động, có trung bình 296 sinh viên[14]. Duy chỉ có ở Vidyayathana Pirivena là có 327 sinh viên theo học, nhưng hầu hết trong số đó là phật tử. Lý do chính đằng sau sự thành công của pirivena chính là việc coi sự bình đẳng là tiêu chuẩn trong hệ thống giáo dục cả ở các trường thế tục và tôn giáo. Ở khu vực này, khoa học dựa trên A/L được bỏ qua mà không cần phải tuân theo truyền thống Pirivenas. Mức độ thương mại cũng không phổ biến, thể hiện qua việc chỉ có 9 sinh viên đăng kí học lĩnh vực này (trang 27). Tuyển sinh của Pirivena cũng cao hơn bởi tỉ lệ khác biệt của nó đối với trường Govt. Sinhala là rất ít.

Trái ngược với các thông tin trên đây, sự theo học của Phật tử đến

14. Thông tin giáo dục Sri Lanka, 2012:19, 29

từ các tỉnh phương Tây phát triển có phần ít hơn. Trong khu vực Colombo được thể hiện thông qua Thống kê Govt[15], tỉ lệ phật tử theo học là thấp nhất (trung bình 26, 18 trong 149) trong số những nơi khác (ngoại trừ tỉnh phía đông). Đó là bởi vì họ có nhiều lựa chọn khác nhau trong khu vực này. Đồng thời, khu vực này cũng thuộc về một trong những tầng lớp giàu nhất của đất nước.

Như đã được đề cập trước đó, các tỉnh phía Đông có ít Phật tử tham gia theo học (trung bình có 9. 68 trong 22 pirivenas). Việc có tỉ lệ Phật tử thấp có lẽ là do sự dời đi của Vidyayathana Pirivenas nơi mà thu hút rất nhiều phật tử. Lý do này cũng giải thích cho trường hợp ở Matale, Nuwara Eliya, Pottalam khi mà việc không tồn tại Vidyayathana Pirivena dẫn đến tình trạng Phật tử dần ít đi. Tuy vậy, ngược lại ở Kurunagala (trung bình có 47. 32 trong 85 Pirivenas) của tỉnh Tây Bắc, Ratnapur (trung bình có 56. 80 trong 44 Pirivenas) và Kegalle (trung bình 49. 73 trong 41 Pirivenas) thuộc tỉnh Sabaragama, Kalutara (trung bình có 82. 77 trong 47 Pirivenas) thuộc phía tây tỉnh cho thấy tỉ lệ trung bình cao nhất trong số các phật tử ghi danh. Mặc dù khảo sát này còn có hạn chế và nó có thể chưa xác định được số lượng chính xác, chúng ta vẫn có thể kết luận rằng khu vực phổ biến cho nông nghiệp có tỷ lệ phần trăm cao Phật tử ghi danh trong Pirivenas.

Càng ít đặc quyền, càng có thêm nhiều lời giảng dạy

Về khái niệm thì đây là một vấn đề rất đúng đắn. Trong khi việc đưa vào các lời giảng dạy được cân nhắc thì vị trí kinh tế của con người và niềm tin truyền thống được cho là yếu tố chính làm ảnh hưởng đến vấn đề này. Theo Sharmini Serasinghe[16], trong truyền thống Sinhalese, việc đào tạo giới tăng lữ, đặc biệt là thế hệ trẻ, bị ảnh hưởng rất nhiều bởi sự nghèo đói và "các lá số tử vi xấu". Mahendra De Silva[17] khi nhận

15. 2012:66

16. Xem-S. Samarasinghe (2014), "Lễ thụ chức của trẻ em -Qua lăng kính của người mẹ" trong Colombo Telegraph, <https://www. colombotelegraph. com/index. php/child-ordination-through-a-mothers-eyes/ >

17. Mahendra De Silva(2014), 'Lễ thụ chức của trẻ em –Một góc nhìn khác" trong Colombo Telegraph, <https://www. colombotelegraph. com/index. php/child-ordination-a-different-perspective/>

xét về bài báo của Sharmini Serasinghe hiển nhiên đã không phản đối hai yếu tố chính ảnh hưởng đến quá trình điều phối. S. Serasinghe nói rằng "nhiều người trong số những Phật tử tin rằng, một người con trai sinh ra theo các ngôi sao xấu (tử vi xấu), cần phải được gửi vào chùa". Với sự u mê của mình, họ tin rằng việc này sẽ giúp cho các thành viên còn lại trong gia đình tránh được những tác động không tốt mà lá tử vi xấu của một đứa trẻ mang lại. Ngược lại với điều này, nghèo đói cần ít lời giải thích hơn và dễ hiểu hơn. Theo đó, khi một gia đình gặp khó khăn trong việc kiếm sống thì lựa chọn duy nhất và thích hợp nhất với họ chính là đền chùa. Nhưng, việc tác giả sử dụng thuật ngữ "chủ yếu đi ngược lại mong muốn của họ"; trong đó "những mong muốn" của người dân được giải thích theo lý thuyết kinh tế "cung – cầu" hoàn toàn bị phản đối. Trên khía cạnh kinh tế, nhu cầu là quyền được lựa chọn những thứ bản thân mong muốn. Tương tự như vậy, khuynh hướng gọi tên giáo dục tu viện là "đi ngược lại mong muốn" của người dân về những lựa chọn sẵn có.

Tuy nhiên, (1) nghèo đói không thực sự là lý do chính cho việc lựa chọn các trường học Tôn giáo. Bên cạnh đói nghèo, thì hai lý do chính được tìm ra tại học viện phật giáo Bangladeshi là (2) do sự thiếu hụt các phương tiện giáo dục và (3) do đó là lựa chọn của trẻ mồ côi. Tất cả những tín đồ Phật tử mới trong khoảng 12 đến 23 tuổi tham gia vào các học viện tu giáo[18] đều thuộc các thành phần sau:

Bố hoặc mẹ mất: 36. 37%

Cả bố và mẹ đều mất: 2. 04%

Thành viên trong gia đình: (a)2 -3=12. 12%, (b)4-5=57. 57%, (c) 6-7-30. 31

Trình độ học vấn của bố mẹ: (a) mù chữ-12. 12%, (b) tiểu học-36. 37%, (c) trung học cơ sở-39. 40%, (d) trung học phổ thông-9. 09%, (e) đại học-3. 03%

Các nghề nghiệp chính của gia đình: (a) làm nông-48. 49%, (b)

18. Một phần thuộc về Kadalpur, Chittagong và phần khác thuộc về Himbutana, Sri Lanka

công nhân-21. 21%, (c) kinh doanh riêng-21. 21%, (d) các thành phần khác-9. 09%

Thu nhập (TK.): (a)1000-18. 18%, , (b) 1500- 33. 34% ; (c) 2000-18. 18%, (d) 2500-12. 12%, (e)3000-12. 12, (f) 3500-6. 06%, (g) 4000-6. 06%

Nhà ở xa trường học: 12. 12%

Dữ liệu trên được thu thập từ các sinh viên ở các vùng đất thấp và cao nguyên của Phật Giáo. Cho dù rất nhiều sinh viên phát biểu về lý do quan trọng nhất để ghi danh tại các học viên tôn giáo thì không có lý do nào là đúng, trừ những sinh viên mà gia đình của họ có chỗ đứng tương đối tốt trong xã hội để đánh giá về hệ thống giáo dục thế tục. Điều này cho thấy hệ thống giáo dục này ở trên mức chấp nhận được khi so sánh dựa trên hầu hết các chỉ tiêu của MDGs.

Mâu thuẫn về nhu cầu

Trong đoạn đầu tiên, chúng ta đã làm rõ động lực của việc lựa chọn các trường học tu viện. Thực tế cuộc sống dần hiện hữu[19] và sinh viên nhận ra cái gì là cần thiết. Quan sát lúc này cho thấy trong số hơn 54 nhà sư đã hoàn thành chương trình BA của đại học Kelaniya thuộc Pali và cục Phật Giáo vào năm 2013, chỉ duy nhất 7 người còn duy trì cuộc sống tu viện. Giải thích cho điều này, hầu hết các sinh viên đến từ các trường tu viện phật giáo Sri Lanka tiếp tục các khóa học bổ trợ. Ví dụ, hầu hết 10 sinh viên - những người học chương trình chứng chỉ Pali đặc biệt trong 4 năm (năm 2014) thuộc trường địa học Kelaniya tiếp tục tham gia một số khóa học bổ sung như Quản trị nhân lực, Vấn đề xã hội, Máy tính v. . v… Nó cho thấy tính cấp bách của các khóa học có giá trị trên thị trường.

Ở hệ thống giáo dục tu viện Bangladeshi, nhà chức trách đã cho phép việc đăng kí học về ngành Mỹ Thuật và đôi khi có cả ngành Thương mại. Ba học viện nằm ở Raozan và học viện Ukhiya thuộc quận Chittagong đều không được giảng dạy ngành khoa học, trong khi những cư sĩ nghiên cứu ở đây đều có khả năng. Điều này không

19. Hầu hết các sinh viên đều đến các trường tu viện Phật giáo từ thời thiếu niên

thỏa mãn được những nhu cầu xã hội cần thiết của người dân nơi đây.

Những điều tương tự cũng được nhìn thấy rõ ràng trong giáo dục ở Sri Lanka khi mà chỉ có một cách thức để theo học Nghệ Thuật là học ở Mulika (= O/L) và nghiên cứu tôn giáo lại được giảng dạy rộng rãi ở Pracina và Prarambha. Tuy nhiên, nhà sư đều có thể tự trả tiền A/L để học theo bất cứ cách thức nào.

Viễn cảnh của sự chuyển động và phát triển xã hội nhanh chóng

Mối quan hệ giữa nghèo đói và Tôn giáo là một trong số những vấn đề nóng đang gây tranh cãi trong ngành khoa học xã hội. Weber và Marx thường được tham khảo để nghiên cứu vấn đề này. Tuy nhiên, những thách thức mà Đạo tin lành phải đối mặt với những người theo đạo Thiên chúa cũng tương tự như đạo Phật phải đối mặt trong xã hội Bà la môn. Lý thuyết công giáo truyền thống cho rằng "những cái không còn tồn tại ở thế giới thực" được cải cách từ thuyết "không công việc – không thực phẩm"[20] dưới sự tuyên truyền thực tế. Mặc dù tồn tại trong xã hội một cách tự nhiên, đạo Bà La môn vẫn hoàn toàn bị cô lập từ ý thức hệ trong khi những người thuộc giáo phái khác đã cố gắng giải quyết cảnh khổ cực của xã hội cũng gần như bị cô lập từ thực tế xã hội bởi các giả thuyết tiền định, vô năng và vật chất. Do vậy, tất cả những triết lý được thảo luận trong bài kinh Samannaphala[21] và ít nhiều ảnh hưởng của họ ở đây cũng là hiển nhiên[22]. Phương pháp tiếp cận vật chất mà chủ nghĩa duy vật Ấn Độ đưa ra bị chỉ trích kịch liệt trong bài kinh Dhammacakkappattana[23] đầu tiên. Đó là bởi vì khát khao về sự giàu có[24] không bao giờ có điểm dừng.

Về vấn đề này, chủ nghĩa duy vật của Phật giáo cũng có hệ thức tư

20. Basten, C. and Betz, F. , 2011:11

21. Digha Nikaya, vol. I, 1975:47-86

22. Thậm chí tôi nghĩ chúng tôi không cần thiết phải thảo luận về lý thuyết kinh tế Phật giáo vì nó cũng được thảo luận rất nhiều lần và không có liên quan trong việc hạn chế này

23. Samyutta Nikaya, Vol. V, 1975:420

24. Malalasekera, G. P. , 1937:988, trích dẫn từbài kinh Tanha, Anguttara Nikaya(PTS), II. 10

tưởng tương đồng với Đạo Tin lành. C. Basten và F. Betz[25] có đưa ra giải thích rằng "trong thực tế, khổ hạnh tin lành khuyến khích việc tích lũy để làm giàu, nó được coi như sự ban phước của Chúa. Điều này hạn chế rất nhiều việc tiêu dùng, đặc biệt là các xa xỉ phẩm". Nhiều ví dụ nữa về các quốc gia đang phát triển đầu tiên, ví như Ấn Độ và Trung Quốc là quốc gia có liên quan đến vấn đề này và những thành tựu của họ trong MDG có thể được nêu ra. Theo chương trình phát triển của Liên hợp quốc, phát triển kinh tế của một quốc gia nhất thiết không đưa ra được sự phân bổ các tiêu chuẩn của cuộc sống[26]; đặc biệt là khi đói nghèo liên quan đến việc cần phải đề ra nhiều sự thay đổi xã hội.

Tuy nhiên, các thách thức của giáo dục tiểu học mà MDGs đề ra đều được giáo dục tu viện Sri Lanka không ngần ngại giải quyết một cách nhanh chóng. Bởi, giáo dục tu viện của Sri Lanka đáp ứng được các tiêu chuẩn mà giáo dục tiểu học cần có giống với các quốc gia Nam Á khác. Nhưng nhu cầu của người dân ở Sri Lanka đã tăng lên, đặc biệt là những người đang muốn đạt được các tiêu chuẩn của MDG về giáo dục, Cải cách phật giáo hiện đại nhận ra các vấn đề này dễ dàng hơn. Anagarika Dharmapala thấy rằng cách thức mà tôn giáo truyền thống ở các quốc gia Nam Á không có nhiều ảnh hưởng đến sự phát triển. Gombrich trong từ tác phẩm của Dhammapala "Quay lại với giá trị đạo đức", tác giả là A. Guruge (NXB Chính phủ Colombo 1965), trang 717, trích dẫn "Châu Âu rất phát triển. Người dân của họ ủng hộ chính sách khoa học hiện đại. Vệ sinh môi trường, nghệ thuật thẩm mỹ, điện v. v đã làm nên sự vĩ đại của người Mỹ và người Châu Âu"[27]. Dharmapala(1864-1933), cùng với O. H. S. Olcott, là quan sát viên duy nhất của cuộc nổi dậy của chủ nghĩa hiện đại Kitô giáo trong thời kỳ hưng thịnh của chủ nghĩa thực dân, bắt đầu bị thế tục hóa giáo dục Phật giáo.

Cả hai quốc gia đều cho thấy MDGs cũng có những hạn chế riêng. Mặc dù tích cực nhưng toàn bộ mục đích của giáo dục tiểu học đều có rất ít ảnh hưởng đến phát triển hoặc giảm thiểu đói nghèo. Theo góc độ này thấy được mặc dù Phật tử Bangladesh đang được nhận học trong các trường tiểu học được miễn phí tiền học, thì tỉ lệ bỏ học sau bậc tiểu

25. 2011:11

26. Chương trình Phát triển Liên Hiệp Quốc: Phát triển cho tất cả 2007: 0, 5-6

27. 1988:13-14

học cũng vẫn rất cao; đó là bởi bậc trung họcở Bangladesh có rất nhiều áp lực. Nghiên cứu[28] cho thấy trong CHT, tuyển sinh bậc tiểu học vào khoảng 82% và chỉ có 16% học sinh theo tiếp bậc trung học; trong khi có 65% bỏ học giữa chừng ở bậc tiểu học và con số này sau bậc tiểu học là 19%. Trong số các lý do giải thích cho việc bỏ học sau bậc tiểu học thì hai lý do chính là bởi vấn đề tài chính (71. 4%) và quãng đường đi học khá xa (10. 5%). Không có gì đáng ngạc nhiên, vấn đề về tài chính chiếm hơn 2/3 (84. 6%)[29] trong các lý do giải thích cho việc nghỉ học trước khi học tiếp bậc trung học. Giáo dục tu viện ở Bangladesh giải quyết hai vấn đề này bằng cách hướng tới giáo dục miễn phí.

Không còn tồn tại những nghi ngờ về việc cải cách ngôn ngữ hiện đại mà chúng ta đã phát triển theo thời gian. Các nhu cầu kinh tế cơ bản được coi là cơ sở của sự phát triển của con người. Đức Phật xác định nghèo đói như nhu cầu cơ bản của phát triển xã hội và chính trị[30]. Không phát triển được coi là có thể nếu những nhu cầu đó không được thực hiện. Tương tự như vậy, cần một điều kiện tiên quyết ổn định để mang lại sự phát triển về tinh thần và vật chất trong xã hội loài người. Thế kỷ thứ 6 trước Công nguyên được cho là đã đạt đến sự ổn định như vậy[31]. Theo lời giải thích của Phật giáo về "Vòng lặp của nhà vua" được tìm thấy trong Kinh phật Cakkavattisihanada, chúng ta sẽ có được một vương quyền hoàn hảo khi đạt được các yếu tố kinh tế, trí tuệ và xã hội và v. . v. Vốn con người của Đức Phật (ví dụ Dhammasenapati Sariputta) được đề cập trong Pháp Luân Dhammacakka của ông cũng được coi là đã xuất hiện trong thời kỳ kinh tế phát triển. Bây giờ câu hỏi được đặt ra là – nếu không phát triển vốn con người, thì làm thế nào để thành công trong việc thiết lập một xã hội hợp pháp Phật giáo luôn nỗ lực để đạt được sự phát triển tâm linh?

Giới han hành chính và những thách thức

Những ai quan tâm đến "phúc lợi tôn giáo" có thể nghĩ về xu hướng

28. Barkat, A. , và những người khác, 2009:130

29. Xem Abul Barkat và những người khác, 2009:117-120

30. Xem bài kinh Cakkavatti-Sihanada, Digha Nikaya, III. 60

31. Swaris, N. , 1999:50-55

mà Phật giáo mang lại như là các chương trình nghị sự xã hội hoặc các sự thay đổi khác nhau trong phát triển xã hội. Các giáo viên ở vùng tôn giáo Nam Á cũng có ảnh hưởng tương tự trong việc xác định triết lý giáo dục. Đôi khi, truyền thống tôn giáo có thể làm tổn hại đến cách thức mà chúng ta đang hướng tới. Những bộ lạc lâu đời phải là mục tiêu tiên quyết của UDGs khi mà sự không may của họ được chấp thuận các phương pháp tôn giáo. Các Musharas của Ấn Độ và những người Sri Lanka đẳng cấp thấp hơn có số phận tương tự mặc dù bằng cấp của họ là khác nhau giữa các quốc gia. Mặt khác, trong các dân tộc xã hội hiện đại, giáo lý tôn giáo đôi khi gây tổn hại đến sự ổn định chính trị, con người, v. . v Giáo dục Phật giáo cũng phải giải quyết các vấn đề này. Nó phải hoàn thành được các điều kiện tiên quyết của phát triển con người mà một số nhà cải cách Phật giáo đã đề cập đến, như Dharmapala đề cập đến vệ sinh môi trường, điện, nghệ thuật thẩm mỹ, v. . v; Ariyaratne đề cập đến vệ sinh môi trường, phát triển đường giao thông, nhà ở, trợ giúp cho nông nghiệp và các giải pháp công nghệ khác. . [32]Điều này sẽ giúp cho những người nằm trong vòng luẩn quẩn mệt mỏi của sự nghèo đói và sự nghèo đói của họ thể hiện rõ trên tính cách và hành vi của bản thân họ[33]. Nếu không cải thiện được điều này, nó sẽ bị coi như là sự trở ngại cho việc phát triển các tổ chức cần thiết cho tăng trưởng kinh tế[34]. Trong ngôn ngữ Asoka, nếu không phải như vậy thì họ sẽ làm tổn hại đến tôn giáo của riêng mình.

Các kĩ năng của nhà sư đã được cập nhật từ rất sớm do đó họ đã dễ dàng được tuyển dụng vào các vị trí trong chính phủ và nắm các vị trí quan trọng trong giáo dục thế tục. Trong xã hội quân chủ, đó dường như là cách thức duy nhất để theo đuổi giáo dục thế tục và tôn giáo[35]. Tuy nhiên, từ thế kỉ 17 trở đi, với sự hé rạng của chủ nghĩa đế quốc Châu Âu, giáo dục Phật giáo độc quyền ở Sri Lanka và Miến điện phải đối mặc với thách thức của sự thích khi. Không chỉ vậy họ dường như mất quyền lực của mình để tập trung vào các hoạt động xã hội dưới những hạn chế áp đặt trong thời kỳ thuộc địa[36]. Các Phật tử của các

32. Phật giáo hồi sinh, trang 243-248; Gombrich, 1988:13-14

33. Dwarko Sundrani, 1998:35

34. Pavol Minarik, 2011:1

35. Rahula, W. , 1955:287

36. Bond, George D, 1992287

nước như Bangladesh đang phải đối mặt với hoàn cảnh tương tự.

Cho dù việc giáo dục Phật giáo ở hai nước này có sự hỗ trợ toàn bộ hay một phần của chính phủ sự thành công của kiểu giáo dục này phụ thuộc vào nỗ lực của từng cá nhân. Hiệu năng của trường học tu viện Bangladesh giảm đi có thể do chủ yếu là do thiếu đi việc quản lý tổ chức giáo dục thích hợp. Dường như ở Sri Lanka cũng xảy ra điều này khi mà các giải pháp thích hợp cho nhu cầu của tầng lớp thấp trong xã hội và những thách thức kinh tế mà mọi người Phật giáo hiện đại phải đối mặt không được ủng hộ.

Cho dù việc giáo dục Phật giáo ở hai nước này có sự hỗ trợ toàn bộ hay một phần của chính phủ sự thành công của kiểu giáo dục này phụ thuộc vào nỗ lực của từng cá nhân. Hiệu năng của trường học tu viện Bangladesh giảm đi có thể do chủ yếu là do thiếu đi việc quản lý tổ chức giáo dục thích hợp[37]. Dường như ở Sri Lanka cũng xảy ra điều nay khi mà các giải pháp thích hợp cho nhu cầu của tầng lớp thấp trong xã hội và những thách thức kinh tế mà mọi người Phật giáo hiện đại phải đối mặt không được ủng hộ.

Kết luận

Các chủ điểm thảo luận bên trên cho chúng ta thấy rằng, giáo dục tu viện chủ yếu giới hạn cho một nhóm nhất định, đó là những người bị hạn chế việc tiếp xúc với các trang thiết bị hiện đại. Nhưng trong thời kỳ cổ đại, nó đã đại diện cho người dân từ mọi thành phần kinh tế[38]. Lãnh đạo Phật giáo của hai quốc gia cần phải giải quyết vấn đề này. Bởi nếu có một kế hoạch lớn thích hợp mang tầm quốc gia thì tôn giáo cũng có thể củng cố luận điệu của quốc gia này trong việc phát triển thế giới.

37. Xem mahasthavir Sraddhalankhar, 2006: V cho sự thất vọng của các cá nhân trong lĩnh vực này

38. Swaris, N. , 1999:312

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tham khảo tiên quyết

Leon Peer, M. , (1976), Samyutta Nikaya, Vol. V London: Pali Text Society (tài liệu tiếng Ấn Độ về xã hội).

Oldenberg, H. , and Pischel, R. , (1966), Thera- and Therigatha, London: Pali Text Society (tài liệu tiếng Ấn Độ về xã hội).

Rhys Davids, T. W. , and EstlinCarpenter, J. , (1975), Digha Nikaya, Vol. I, London: Pali Text Society (tài liệu tiếng Ấn Độ về xã hội).

Tài liệu tham khảo chọn lọc

Basten, Christoph Carl and Betz, Frank (2011), Marx and Weber: Does Religion affect politics and economy? (Liệu tôn giáo có ảnh hưởng đến chính trị và kinh tế?) ECB working paper Series no. 1393, < http://ssrn. com/abstract=1942198> (access on 31. 1. 2014).

Bhikkhuni Soun. Buddhism and Character Education: Necessity, Character, and Method (Templestay in Korean Buddhism) (Phật giáo và đặc điểm giáo dục: Sự cần thiết, nét đặc sắc và phương pháp (chùa Phật giáo Hàn Quốc)) 'The 10th of International Celebration on theOccasion of United Day of Vesak 2013 21st - 22nd May, 2013/2556 B. E Thailand'pp. . 77-79.

Bond, George D (1992). The Buddhist Revival of Sri Lanka (Sự hồi sinh của Phật giáo ở Sri Lanka). Delhi: Motilal Banarshidass.

De Silva, Mahendra (2014). 'Child Ordination- A different Perspective' (Lễ thụ chức của trẻ em – Một góc nhìn khác) in Colombo Telegraph, (https://www. colombotelegraph. com/index. php/child-ordination-a-different-perspective/. (access on 15. 01. 2014).

Gombrich, Richard (1988). Buddhism Transformed. (Sự thay đổi của đạo phật). Delhi: Motilal Banarsidass. .

Loy, David R (2001). Buddhism and Poverty, Comparative Buddhism: An Interdisciplinary Journal, 2: 55-71. (Đạo Phật và sự nghèo đói, các cấp so sánh đạo Phật: Tạp chí liên ngành) <http://dx. doi. org/10. 1080/14639940108573738>. (access on 15. 01. 2014).

Mahasthavir, Sraddhalankhar (2006). Dharmamrta. Chittagong.

Minarik, Pavol (2011). "Religious and Economical Attitudes in Post Communist Tradition. "(Quan điểm tôn giáo và kinh tế trong bài viết truyền thống Cộng sản)<nf. vse. cz/wp-content/uploads/2011/11/ ws_minarik_11-2011>. (access on 10. 12. 2013).

Malalasekera, G. P, (1937), Dictionary of Pali Proper Names, New Delhi: Asian educational . Services.

Malalasekera, G. P, (1937), Dictionary of Pali Proper Names, New Delhi: Asian educational services. (Từ điển tiếng Ấn độ về các tên gọi, New Delhi: Dịch vụ giáo dục Châu Á).

Nath, S. R (2009). . "Educational Marginalization In Bangladesh. " Background paper prepared for the Education for All Global Monitoring Report 2010, ("Giáo dục ngoài lề ở Bangladesh", Tài liệu cơ sở chuẩn bị cho các báo cáo giám sát toàn cầu về giáo dục 2010), UNESCO.

Niaz, M. and Chaudhury, Nazmul (2006). "Religious Schools, Social Values and Economic . Attitudes: Evidence from Bangladesh. " (Trường học tôn giáo, giá trị xã hội và quan điểm kinh tế: Các bằng chứng từ Bangladesh). QEH Working Paper Series-QEHWPS139'in <siteresources. worldbank. org/. . . / ReligiousSchoolsinBangladesh>. (Access- 12. 12. 2013).

Parveen, S. , & Faisal, I. M. (2002). "People versus power: the geopolitics of Kaptai Dam in Bangladesh. " (Con người và quyền lực: Khoa địa chính trị của Kaptai Dam ở Bangladesh), International Journal of Water Resources Development 18(1), 197-208.

Sundrani, Dwarko (1998). 'Poverty and Education' in The Cultural Dimension of Education, (Nghèo đói và giáo dục trong khía cạnh văn hóa – giáo dục) edu. Baidyanath Saraswati. New Delhi: Indira Gandhi National Centre for the Arts.

Swaris, N. , (1999), The Buddha's Way to Human Liberation, (Con đường của Đức Phật đến với sự giải thoát của loài người), Nugegoda:Sarasavi Publishers.

Tambiah, J. S (1976). World Conqueror and World Renouncer, Cambridge: Cambridge University Press. United Nation (2007). The United Nations Development Agenda: Development for All, New . York: United Nation Publications.

Venerable Seck Kwang Phing (2013). "Future Role of Sangha as an Educator and a Humanist. " (Vai trò tương lai của Tăng già trong vai trò người truyền đạo và nghiên cứu chủ nghĩa nhân văn). The 10th of International Celebration on the Occasion of United Day of Vesak 2013: 21st . - 22nd May, 2013/2556 B. E. Thailand'pp. 63-67.

Các số liệu tham khảo

Ministry of Education. 'Sri Lanka Education Information 2012-2010' (Thông tin giáo dục Sri Lanka 2012-2010) <http://www. moe. gov. lk/web/index. php?option=com_ content&view=article&id=300&Itemid=114&lang=en>.

Barkat. Abu, and etal. (2009). Socio-Economic Base-line Survey of Chittagong Hill Tracts, (Nghiên cứu kinh tế-xã hội cơ bản của vùng đồi Chittagong) . UNDP, Bangladesh. < / fpd-bd. com/wp-content/ uploads/2013/04/003_bigger-dam> (access on 25. 12. 2013)